



# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

*03/09/2025 – 05/09/2025*

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office  
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam  
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601  
Web: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## Thị trường đi vào vùng tái tích lũy, nhóm chứng khoán sẽ là tín hiệu thị trường nâng hạng

- Thị trường chứng khoán Mỹ bước vào phiên đầu tiên của tháng 9 bằng phiên giảm điểm, Dow Jones mất 249 điểm (-0,6%), S&P 500 và Nasdaq cũng giảm lần lượt -0,69% và -0,82%. Tâm trạng ở Phố Wall có phần bấp bênh hơn sau khi báo cáo lạm phát cho thấy giá cả có chiều hướng nóng lên, tuần này thị trường hướng về các số liệu từ thị trường lao động được công bố vào thứ 6. Dù giảm trong phiên giao dịch cuối cùng của tháng 8, thị trường đã hoàn tất một tháng 8 tăng điểm khá mạnh. Dow Jones tăng hơn 3% trong tháng này, S&P 500 tăng gần 2% và Nasdaq tăng 1,6%. Thị trường đóng cửa nghỉ Lễ Lao động (Labor Day) vào ngày thứ 2 (1/9) và sẽ trở lại giao dịch vào ngày thứ 3 (2/9). Tháng 9 thường là một tháng ảm đạm của các chỉ số chứng khoán Mỹ. Theo cuốn sổ tay nhà giao dịch cổ phiếu The Stock Trader's Almanac, S&P 500 đặc biệt yếu trong tháng 9 trong suốt 10 năm qua, với mức giảm bình quân 0,7% mỗi tháng 9.
- Thị trường đang tính đến khoảng 91% khả năng Fed sẽ cắt giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm tại cuộc họp sắp tới vào cuối tháng này (cuộc họp chính sách tiếp theo vào ngày 16-17 tháng 9), theo Công cụ FedWatch của CME. Một loạt các quan chức Fed cũng sẽ phát biểu trong tuần này. Các nhà đầu tư hiện đang hướng sự chú ý trở lại lịch kinh tế, vốn sẽ được chú ý trong tuần này bởi báo cáo bảng lương phi nông nghiệp hàng tháng quan trọng được công bố vào thứ Sáu.
- Trên thị trường hàng hóa: giá vàng thế giới tăng lên mức cao nhất trong 4 tháng khi kỳ vọng ngày càng tăng về việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ hạ lãi suất trong tháng này đã làm tăng sức hấp dẫn của kim loại quý. Trong 1 tuần gần đây, giá vàng tăng +5,3%, trong khi giá dầu cũng tăng lần lượt +2,9% (dầu Brent) và +3,8% (dầu WTI).
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index đã khép lại chuỗi tăng 4 tuần và 4 tháng liên tiếp, chốt tuần cuối cùng của tháng 8 ở ngưỡng 1.682,21 điểm, tăng +36,74 điểm, tương đương tăng +2,23% so với tuần trước. Bên cạnh đó, chỉ số này cũng tăng gần +180 điểm, tương đương tăng + 12% trong tháng 8, đánh dấu tháng tăng thứ 4 liên tiếp. Ở tuần cuối tháng 8, mức tăng tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu Midcap (+3,16%), tiếp theo là nhóm Vn30 (+2,83%) và nhóm Smallcap (+2,22%).
- Độ rộng thị trường được cải thiện so với 2 tuần trước đó, đạt 87,5% số nhóm tăng so với mức 54% và 21%. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh trên thị trường trong tuần cuối tháng 8 như: Chứng khoán (+13,5%), Bán lẻ (+7,2%), Xây dựng và VLXD (+5,1%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường gồm: Dầu khí (-1,5%), BĐS KCN (-0,5%).
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 45.586 tỷ đồng, giảm -26,7% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng giảm -27,7% còn 42.515 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 8 tăng +197% vsck và tăng + 40% so với tháng 7, đạt 55.120 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 27.640 tỷ đồng, tăng +31% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +19% so với cùng kỳ.



## Thị trường đi vào vùng tái tích lũy, nhóm chứng khoán sẽ là tín hiệu thị trường nâng hạng

- Khối ngoại bán ròng -11.500 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 6 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -77.685 tỷ đồng. Tuần cuối tháng 8, khối ngoại mua ròng đối với GMD (+489 tỷ đồng), VND (+220 tỷ đồng), MSB (+189 tỷ đồng), MWG (+131 tỷ đồng), trong khi bán ròng HPG (-2.624 tỷ đồng), VPB (-1.448 tỷ đồng), SSI (-894 tỷ đồng), STB (-736 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán tuần vừa qua mua ròng đối với các cổ phiếu như: HPG (+337 tỷ đồng), FPT (+270 tỷ đồng), VCB (+193 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: VPB (-1.198 tỷ đồng), GMD (-119 tỷ đồng), PNJ (-98 tỷ đồng).
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức gần 15,3 lần, cao hơn mức bình quân 3 năm (13,3 lần), nhóm Vn30 và Midcap cũng đang cao hơn mức bình quân, trong khi nhóm Smallcap do chưa vượt đỉnh như các nhóm khác nên P/E hiện ở mức 12,9 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm (15,5 lần). Thị trường mới nổi (Emerging) hiện đang giao dịch với mức P/E (ttm) ở mức 15,4 lần, cao hơn bình quân 3 năm (14 lần).
- Nhận định thị trường: Thị trường trong nước có một số tín hiệu đáng chú ý, 1) Đà tăng đang chậm lại khi chỉ số Vn-Index tiệm cận ngưỡng 1.700 điểm, trong mức tăng 37 điểm ở tuần cuối tháng 8, một nửa số điểm đến từ nhóm Vingroup (VIC, VHM) đóng góp gần 10 điểm và VCB (gần 8 điểm). Bên cạnh đó, việc khối ngoại bán ròng mạnh đang kiềm hãm đà tăng của chỉ số. Năm 2024 được xem là năm bán ròng kỷ lục của khối ngoại (khoảng -92.000 tỷ đồng) nhưng chưa có tháng nào khối ngoại bán ròng mạnh như tháng 8 vừa qua (-42.700 tỷ đồng). 2) Thanh khoản thị trường đã có dấu hiệu đạt đỉnh ở mức 62.000 tỷ đồng (toàn thị trường), giảm -27% ở tuần cuối tháng 8. Đối với các nhóm cổ phiếu, ngoại trừ nhóm chứng khoán vẫn thu hút được dòng tiền và tăng 5% so với tuần trước đó, phần còn lại đều giảm, trong đó có những nhóm cổ phiếu có mức giảm trên 50%. Hiện tại, dòng vốn đang tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu ngân hàng (tỷ trọng 30%) và chứng khoán 24% (mức cao nhất kể từ đầu năm). 3) Tâm điểm của thị trường sẽ là thông tin nâng hạng được FTSE Russell dự kiến công bố vào ngày 7/10 tới, do vậy nhóm cổ phiếu chứng khoán sẽ là chỉ báo sớm cho việc thị trường, hiện các cổ phiếu nổi bật như SSI, VND, SHS đang cao hơn so với Vn-Index ở ngưỡng 1.700 điểm, do vậy diễn biến của nhóm chứng khoán trong 2 tuần đầu tháng 9 có thể là chỉ báo sớm cho việc thị trường có được nâng hạng vào đầu tháng 10 tới. Và 4) Về kỹ thuật, tháng 9 là một trong 3 tháng có hiệu suất kém trong năm, chứng khoán Mỹ cũng có diễn biến tương tự theo mùa. Bên cạnh đó, ngoại trừ nhóm cổ phiếu chứng khoán đã vượt đỉnh, các nhóm cổ phiếu mang tính dẫn dắt hay vốn hóa đều đã tạo đỉnh và đang dao động trong vùng tái tích lũy trước chỉ số Vn-Index, do vậy trong kịch bản tích cực nhất hầu hết cổ phiếu sẽ phải test lại đỉnh trước khi hình thành xu hướng tăng mở rộng. Trong kịch bản cơ sở: Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ hình thành vùng tái tích lũy có thể quanh ngưỡng 1.700 điểm. Kịch bản thận trọng, các ngưỡng hỗ trợ cho thị trường ở khu vực 1.615 – 1.625 điểm, trong khi các đỉnh cao mới ở vùng 1.690 – 1.694 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Chốt lời từng phần, đưa tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt về mức cân bằng. Bối cảnh hiện tại, nhà đầu tư nên tập trung vào cổ phiếu cụ thể, thay vì tham chiếu vào chỉ số chung dễ gây “ảo giác”. Vn-Index dù đang tiệm cận ngưỡng 1.700 điểm nhưng một số cổ phiếu đã giảm 15 -20% so với đỉnh. Nhóm cổ phiếu này khả năng sẽ có vùng hỗ trợ trước so với chỉ số chung. Do tỷ trọng vốn đang tập trung chủ yếu ở nhóm chứng khoán và ngân hàng, đây sẽ là nhóm cổ phiếu tín hiệu cho thị trường trong tuần này.

Các sự kiện chính trong tuần này (01/09 – 05/09)

| Thứ Hai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Thứ Ba                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thứ Tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thứ Năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thứ Sáu                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>01</div> <div><div> Nhật Bản: Chỉ số PMI sản xuất (tháng 8)</div><div> Trung Quốc: Chỉ số PMI sản xuất (tháng 8)</div><div> Châu Âu: Chỉ số PMI sản xuất (tháng 8)</div><div> Châu Âu: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 7)</div><div> Anh: Chỉ số PMI sản xuất (tháng 8)</div></div> | <div>02</div> <div><div> Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng sơ bộ (tháng 8)</div><div> Mỹ: Chỉ số PMI sản xuất (tháng 8)</div></div> | <div>03</div> <div><div> Mỹ: Dữ liệu cơ hội việc làm JOLTS (tháng 7)</div><div> Châu Âu: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 8)</div><div><div> Nhật Bản: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 8)</div><div> Trung Quốc: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 8)</div><div> Anh: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 8)</div></div></div> | <div>04</div> <div><div> Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu</div><div> Mỹ: Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (tháng 8)</div><div> Mỹ: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 8)</div></div> | <div>05</div> <div><div> Châu Âu: Tăng trưởng GDP (Q2)</div><div> Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 7)</div></div> |

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



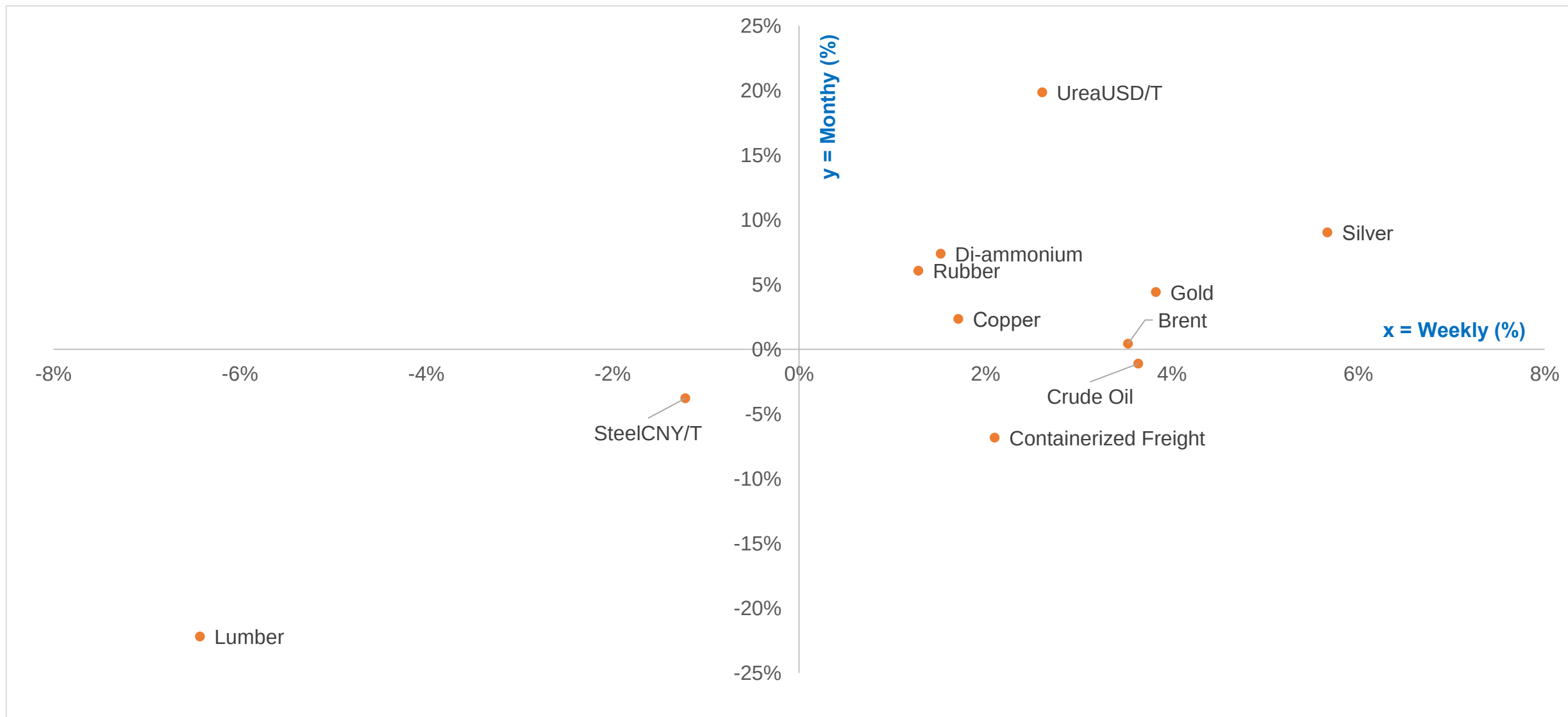
## Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

| Index         | Last      | 1 Week | 1 Month | YTD    | 1 Year |
|---------------|-----------|--------|---------|--------|--------|
| Global        | 945.10    | -0.8%  | 3.0%    | 12.3%  | 15.3%  |
| Dow Jones     | 45,295.69 | -0.3%  | 3.9%    | 6.5%   | 10.7%  |
| S&P 500       | 6,415.54  | -0.8%  | 2.9%    | 9.1%   | 16.0%  |
| Europe        | 543.16    | -2.0%  | 1.4%    | 7.0%   | 4.5%   |
| Japanese      | 42,310.49 | -0.2%  | 6.2%    | 6.1%   | 9.4%   |
| Korea         | 3,172.35  | -0.2%  | 1.7%    | 32.2%  | 19.1%  |
| China         | 3,858.13  | -0.3%  | 8.4%    | 15.1%  | 37.6%  |
| HongKong      | 25,496.55 | -0.1%  | 4.0%    | 27.1%  | 44.4%  |
| Taiwan        | 24,071.73 | -1.0%  | 2.7%    | 4.5%   | 9.0%   |
| Indian        | 24,579.60 | -0.5%  | 0.1%    | 4.0%   | -2.8%  |
| Singapore     | 4,298.51  | 1.3%   | 3.5%    | 13.5%  | 23.5%  |
| Malaysia      | 1,576.70  | -0.3%  | 2.8%    | -4.0%  | -6.0%  |
| Indonesia     | 7,801.59  | -1.3%  | 3.5%    | 10.2%  | 2.4%   |
| Thailand      | 1,248.78  | -0.2%  | 2.5%    | -10.8% | -8.5%  |
| Philippine    | 6,128.89  | -0.3%  | -2.8%   | -6.1%  | -11.0% |
| Vietnam       | 1,682.21  | 4.2%   | 12.5%   | 32.8%  | 31.0%  |
| Brent Oil     | 69.15     | 2.9%   | -0.8%   | -7.4%  | -6.3%  |
| Crude Oil WTI | 65.64     | 3.8%   | -2.5%   | -7.9%  | -5.7%  |
| Gold          | 3,599.50  | 5.3%   | 5.9%    | 36.3%  | 44.0%  |
| S&P 500 VIX   | 17.17     | 17.4%  | -15.8%  | -1.0%  | -17.1% |
| Dollar Index  | 98.27     | 0.2%   | -0.7%   | -9.3%  | -3.4%  |
| U.S. 10Y      | 4.26      | 0.1%   | 1.0%    | -6.8%  | 11.2%  |
| U.S. 2Y       | 3.64      | -1.0%  | -1.7%   | -14.1% | -5.8%  |

Nguồn: Update 0209, Investing, MBS Research

| 1 month        |        | 3 months       |        | 6 months       |        | YTD            |        |
|----------------|--------|----------------|--------|----------------|--------|----------------|--------|
| Index          | Change | Index          | Change | Index          | Change | Index          | Change |
| Venezuela      | 55.51% | Gold Bugs      | 30.05% | Gold Bugs      | 64.95% | DJ Prec Metals | 88.11% |
| Gold Bugs      | 18.08% | Gold & Silver  | 29.78% | Gold & Silver  | 60.37% | Gold Bugs      | 87.08% |
| Gold & Silver  | 17.98% | DJ Prec Metals | 29.21% | DJ Prec Metals | 59.55% | Gold & Silver  | 81.54% |
| DJ Prec Metals | 17.71% | Vietnam        | 25.36% | Vietnam        | 28.87% | Greece         | 37.56% |
| Vietnam        | 12.64% | Turkey         | 23.09% | Korea          | 25.79% | Vietnam        | 32.79% |
| Chile          | 9.59%  | Korea          | 17.11% | Greece         | 25.74% | Korea          | 32.78% |
| Turkey         | 7.64%  | PHLX Semicon   | 16.63% | Indonesia      | 24.88% | Chile          | 32.64% |
| Russia         | 7.57%  | Shanghai A     | 14.72% | Israel         | 24.39% | Poland         | 31.66% |
| Shanghai       | 6.88%  | Shanghai       | 14.70% | Peru           | 22.03% | Spain          | 30.37% |
| Shanghai A     | 6.87%  | Rus 2000       | 14.06% | Chile          | 21.61% | Hungary        | 29.28% |
| Brazil         | 6.55%  | Israel         | 13.71% | S. Africa      | 19.91% | Czech          | 28.85% |
| Rus 2000       | 5.50%  | Taiwan         | 13.52% | PHLX Semicon   | 18.93% | Israel         | 28.27% |
| Nikkei 225     | 5.03%  | NBI BioTech    | 12.15% | Portugal       | 18.59% | Russia         | 27.46% |
| Egypt          | 4.82%  | NASDAQ         | 11.89% | Hungary        | 17.68% | Austria        | 25.97% |
| Taiwan         | 4.45%  | Peru           | 11.28% | Turkey         | 16.87% | Hong Kong      | 25.01% |

Nguồn: Update 01/09, en.stockq.org



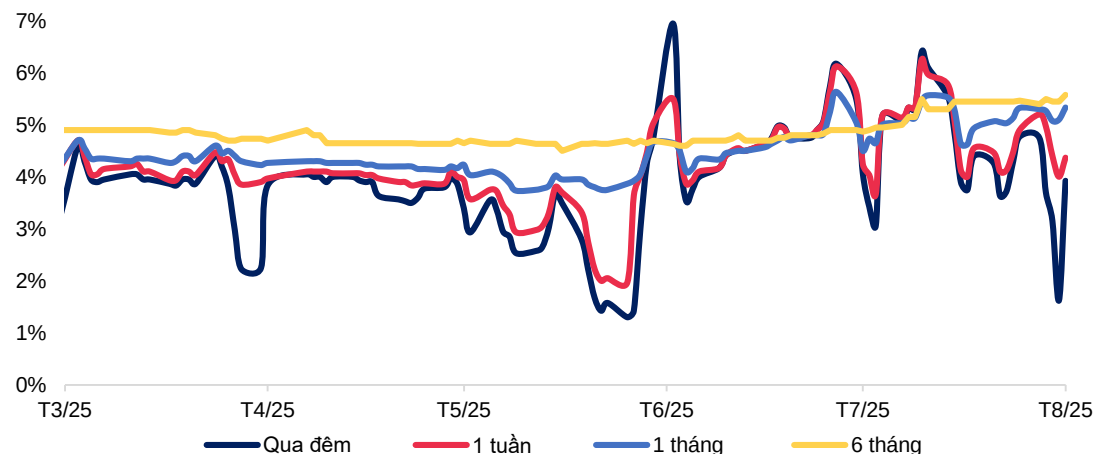
# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Lãi suất

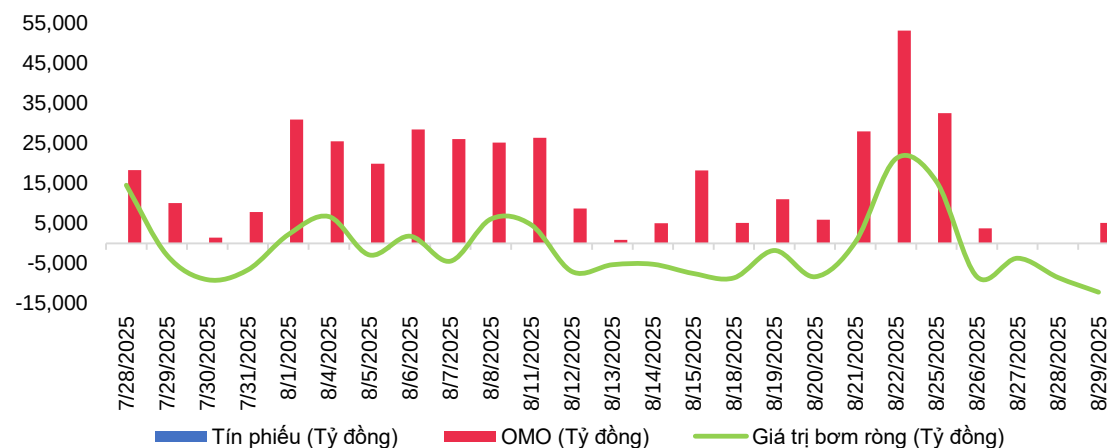
- Sau khi bơm ròng nhẹ trong tuần trước, NHNN quay trở lại trạng thái hút ròng thanh khoản trong tuần 25 – 29/8. Cụ thể, có khoảng gần 41.6 nghìn tỷ đồng trúng thầu trên kênh OMO (-60% so với tuần trước) với các kỳ hạn 7 - 91 ngày với lãi suất 4%. Trong đó, đáng chú ý, phiên ngày 27 và 28/8 không ghi nhận khối lượng trúng thầu nào. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt hơn 58.8 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã hút ròng gần 17.3 nghìn tỷ đồng trong tuần vừa qua. Tính đến thời điểm hiện tại, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là gần 181.7 nghìn tỷ đồng và không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường. Luỹ kế từ đầu tháng 8, NHNN đã hút ròng hơn 25.2 nghìn tỷ đồng – kết thúc chuỗi hai tháng bơm ròng mạnh mẽ trong tháng 6 và 7.
- Bất chấp động thái hút ròng của NHNN, lãi suất liên ngân hàng chủ yếu ghi nhận xu hướng giảm, nhất là ở các kỳ hạn ngắn. Cụ thể, lãi suất qua đêm giảm mạnh 3.15 điểm phần trăm so với cuối tuần trước về mức đáy 2 tháng tại 1.6% vào ngày 28/8, và kết tuần tại mức 3.9% (-0.8 điểm phần trăm so với cuối tuần trước). Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng giảm khoảng 0.5 điểm phần trăm, hiện dao động trong khoảng 4.4% - 5.3%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng ở mức 5.6%.

## Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

## Thị trường mở



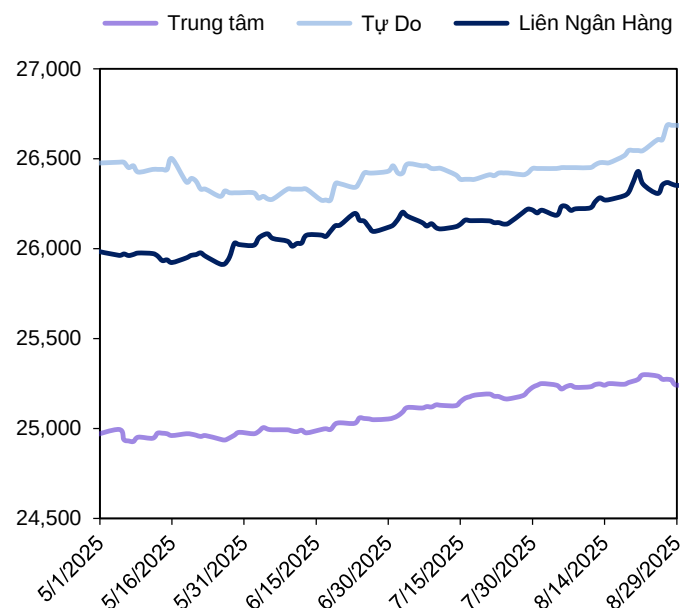
Nguồn: NHNN, MBS Research



## Thị trường ngoại hối và trái phiếu

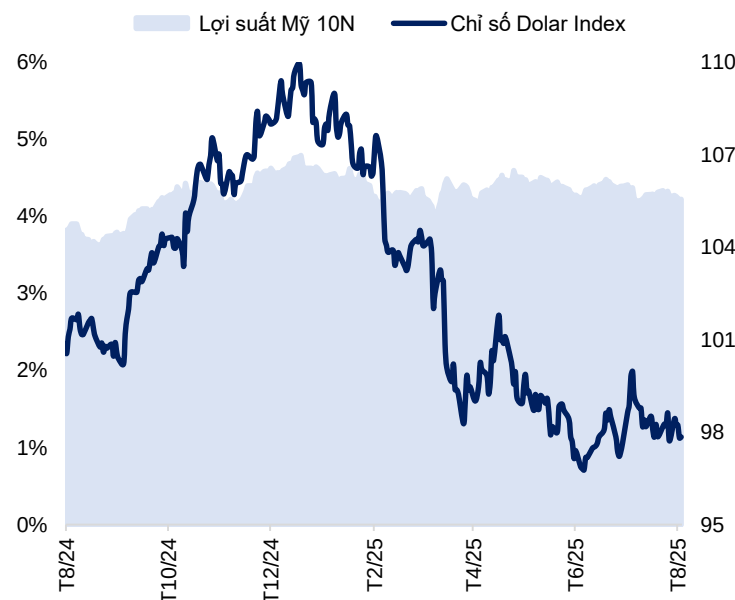
Chỉ số DXY ghi nhận đà giảm nhẹ trong tuần 25 – 29/8, hiện đang ở mức 97.8 (-10.6% ytd). Đồng bạc xanh chịu áp lực giảm từ đầu tuần sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump sa thải Thống đốc Fed Lisa Cook, qua đó làm dấy lên quan ngại về tính độc lập của ngân hàng Trung ương Mỹ. Bên cạnh đó, dữ liệu chỉ số PCE lõi trong tháng 7 cho thấy lạm phát tăng đúng kỳ vọng khi tăng 2.9% svck và tăng 0.3% so với tháng trước. Qua đó, điều này đã giúp củng cố kỳ vọng Fed sẽ bắt đầu giảm lãi suất trở lại trong cuộc họp ngày 16 -17/9 tới trong bối cảnh cung và cầu của thị trường lao động đều đang suy yếu. Theo công cụ FedWatch của CME, thị trường hiện đang định giá khoảng 87% khả năng Fed sẽ hạ lãi suất 25 điểm cơ bản trong tháng 9, so với mức 63% cách đây một tháng. Trong nước, tỷ giá USD/VND đã hạ nhiệt nhẹ sau động thái can thiệp của NHNN. Cụ thể, tỷ giá liên ngân hàng tuy có tăng nhẹ vào giữa tuần dưới áp lực của việc chênh lệch lãi suất VND – USD bị nới rộng khi lãi suất liên ngân hàng VND giảm sâu, hiện đã giảm 0.03% so với cuối tuần trước về mức 26,351 VND/USD (+3.5% ytd). Cùng với đó, tỷ giá trung tâm cũng giảm nhẹ 0.2% so với cuối tuần trước về mức 25,240 VND/USD (+3.7% ytd). Riêng tỷ giá tại thị trường tự do ghi nhận đà tăng trong tuần qua với mức tăng khoảng 0.5%, hiện ở mức 26,685 VND/USD (+3.6% ytd).

### Tỷ giá USD/VND



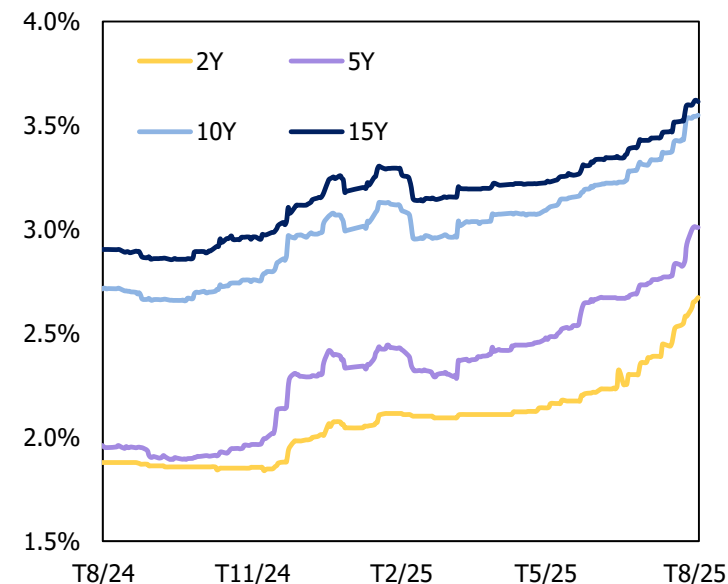
Nguồn: NHNN, Bloomberg, MBS Research

### Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

### Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research



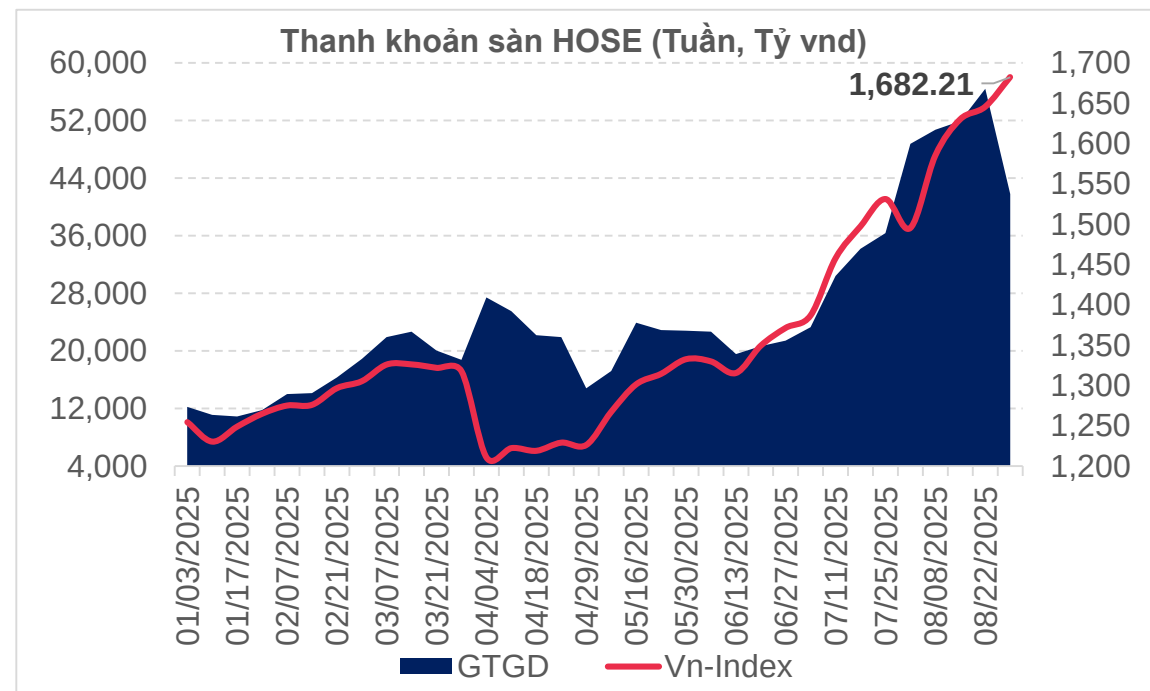
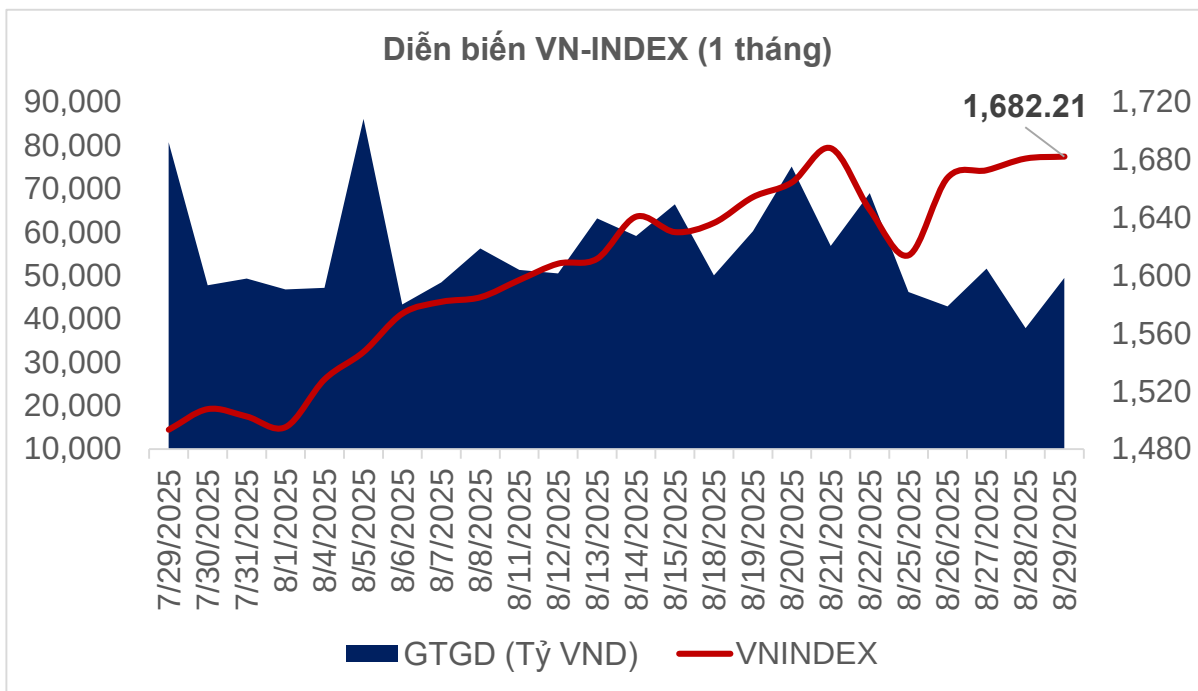
# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Chỉ số Vn-Index đã khép lại chuỗi tăng 4 tuần và 4 tháng liên tiếp

Chỉ số Vn-Index đã khép lại chuỗi tăng 4 tuần và 4 tháng liên tiếp, chốt tuần cuối cùng của tháng 8 ở ngưỡng 1.682,21 điểm, tăng +36,74 điểm, tương đương tăng +2,23% so với tuần trước. Bên cạnh đó, chỉ số này cũng tăng gần +180 điểm, tương đương tăng + 12% trong tháng 8, đánh dấu tháng tăng thứ 4 liên tiếp. Ở tuần cuối tháng 8, mức tăng tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu Midcap (+3,16%), tiếp theo là nhóm Vn30 (+2,83%) và nhóm Smallcap (+2,22%). Độ rộng thị trường được cải thiện so với 2 tuần trước đó, đạt 87,5% số nhóm tăng so với mức 54% và 21%. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh trên thị trường trong tuần cuối tháng 8 như: Chứng khoán (+13,5%), Bán lẻ (+7,2%), Xây dựng và VLXD (+5,1%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường gồm: Dầu khí (-1,5%), BĐS KCN (-0,5%).

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 45.586 tỷ đồng, giảm -26,7% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng giảm -27,7% còn 42.515 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 8 tăng +197% vsck và tăng + 40% so với tháng 7, đạt 55.120 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 27.640 tỷ đồng, tăng +31% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +19% so với cùng kỳ.

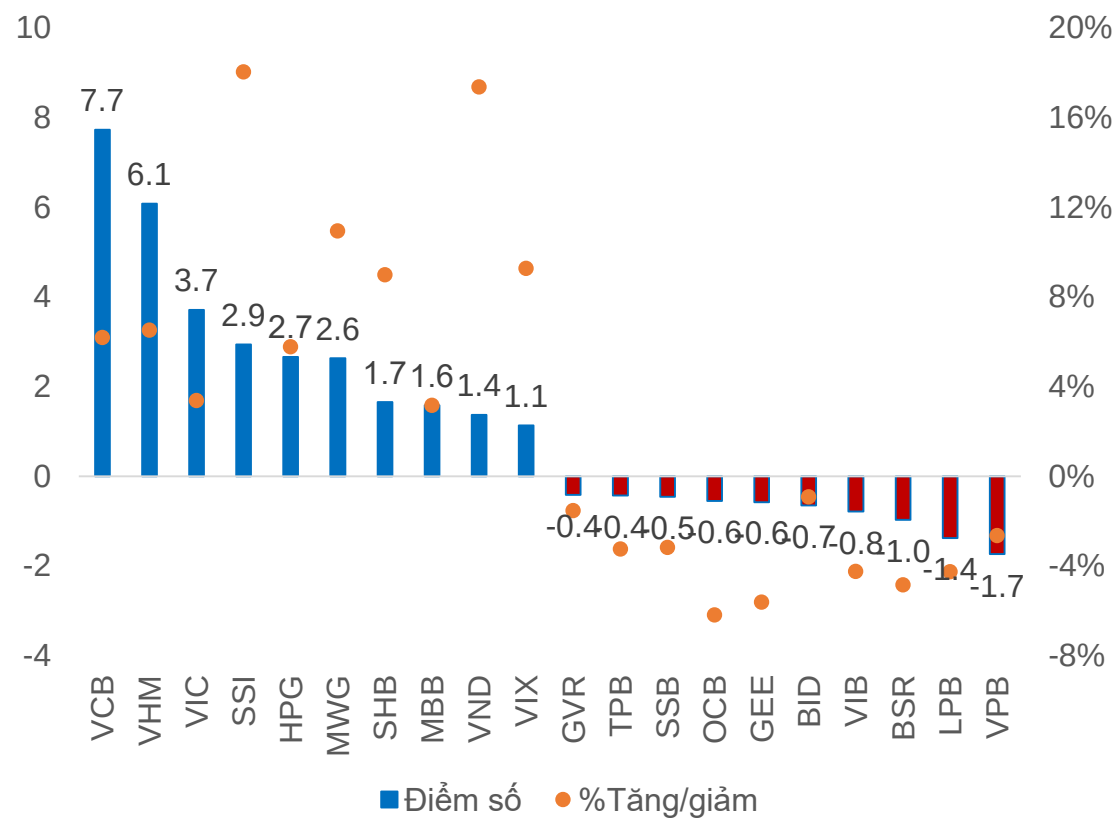


# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



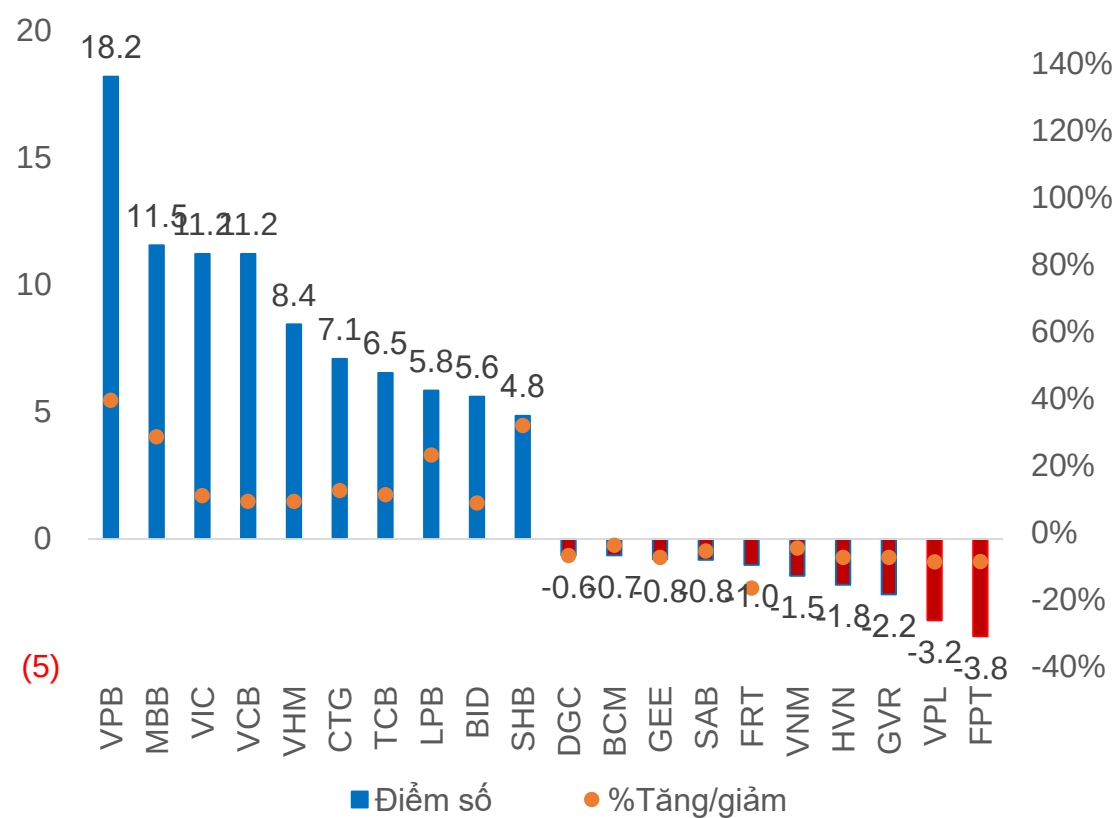
## Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số Vn-Index trong vòng 1 tuần và 1 tháng qua

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +37 điểm (+2,3%) của Vn-Index 1 tuần qua



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +125 điểm (+8%) của Vn-Index 1 tháng qua

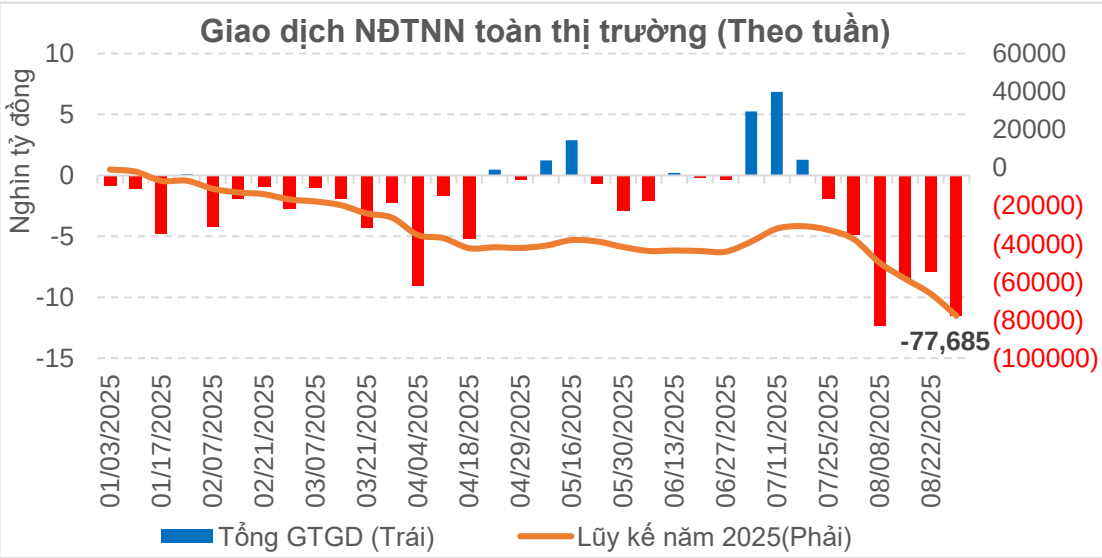
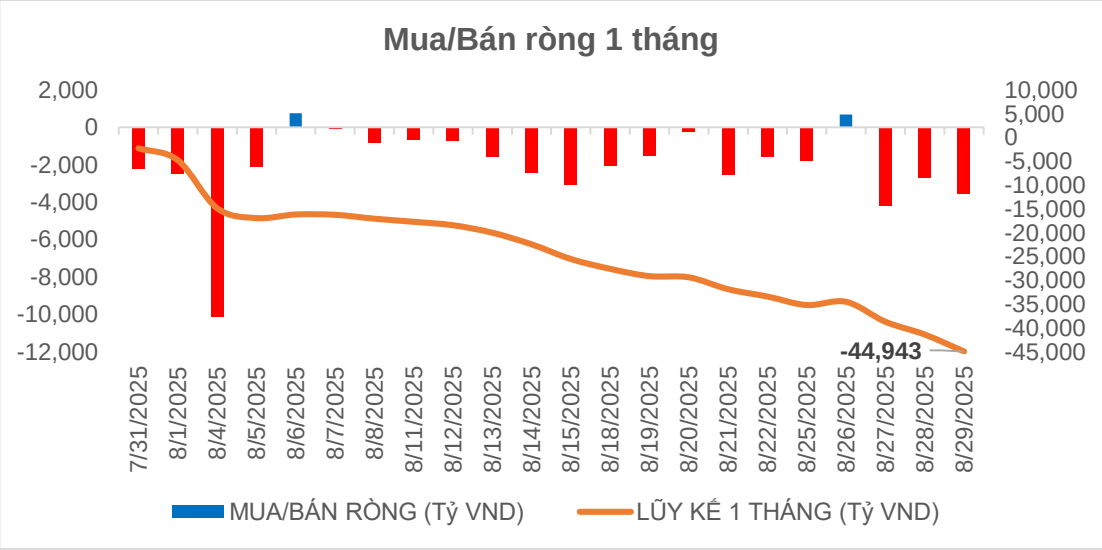


Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -11.500 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 6 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -77.685 tỷ đồng



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

| Country     | Date      | Daily | WTD    | MTD    | QTD    | YTD     | 12M     |
|-------------|-----------|-------|--------|--------|--------|---------|---------|
| Asia (11)   |           |       |        |        |        |         |         |
| China       | 30-Jun-25 |       |        | 17,577 | 18,652 | 27,258  | 54,887  |
| India       | 26-Aug-25 | -644  | -822   | -2,597 | -5,449 | -13,604 | -17,602 |
| Indonesia   | 28-Aug-25 | -17   | 161    | 744    | 233    | -3,005  | -2,960  |
| Japan       | 22-Aug-25 |       | -3,381 | 9,133  | 25,270 | 32,275  | -1,484  |
| Malaysia    | 28-Aug-25 | -48   | -255   | -735   | -956   | -3,683  | -5,225  |
| Philippines | 28-Aug-25 | -14   | -50    | -57    | -86    | -680    | -770    |
| S. Korea    | 29-Aug-25 | -303  | -697   | -1,060 | 3,458  | -5,910  | -19,854 |
| Sri Lanka   | 28-Aug-25 | -0.5  | -3.1   | -16    | -36    | -75     | -91     |
| Taiwan      | 28-Aug-25 | -405  | -139   | -1,911 | 6,363  | 434     | -10,767 |
| Thailand    | 28-Aug-25 | 2     | -260   | -548   | -49    | -2,385  | -3,163  |
| Vietnam     | 28-Aug-25 | -96   | -277   | -1,409 | -1,111 | -2,654  | -3,708  |

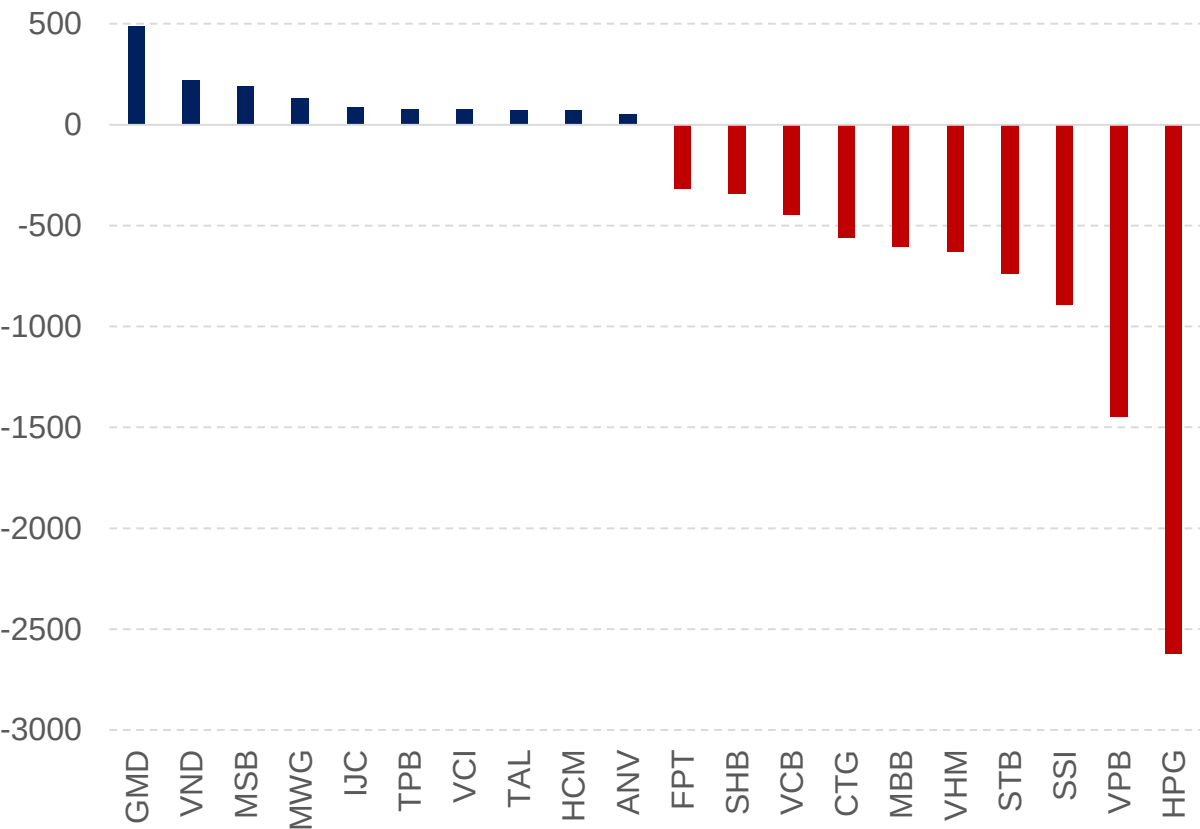
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



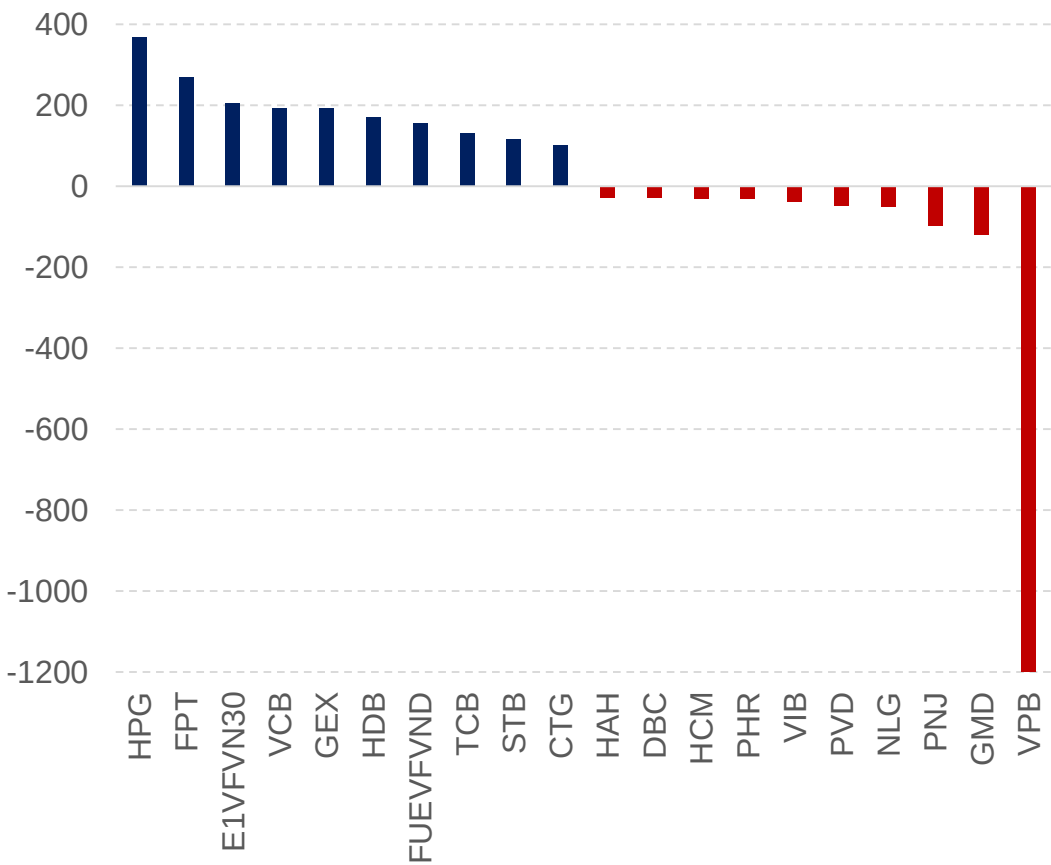
## Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực và dòng vốn vẫn rút ròng

|                                       | Fund Assets (M USD) | NAV Currency | NAV       | MTD Return | YTD Return | 1 Yr Return | 1W Flow (M USD) | 1M Flow (M USD) | 3M Flow (M USD) | YTD Flow (M USD) | 1Y Flow (M USD) |
|---------------------------------------|---------------------|--------------|-----------|------------|------------|-------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|-----------------|
| VanEck Vietnam ETF                    | 592.40              | USD          | 18.17     | 14.40%     | 59.54%     | 46.52%      | 4.46            | 4.46            | 30.50           | -30.94           | -76.65          |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF                  | 21.22               | VND          | 34,292.95 | 19.62%     | 53.39%     | 62.20%      | 0.39            | -0.31           | -1.29           | -5.02            | -11.21          |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF | 348.14              | EUR          | 32.47     | 12.50%     | 38.78%     | 37.06%      | 0.00            | -3.49           | -9.60           | -28.79           | -49.08          |
| DCVFMVN30 ETF Fund                    | 239.89              | VND          | 32,535.06 | 15.13%     | 39.69%     | 41.87%      | -5.68           | -26.05          | -46.34          | -93.48           | -118.01         |
| Fubon FTSE Vietnam ETF                | 542.95              | TWD          | 16.33     | 15.09%     | 38.23%     | 34.31%      | -15.64          | -99.20          | -141.32         | -238.58          | -292.01         |
| DCVFMVN Diamond ETF                   | 531.11              | VND          | 39,814.49 | 14.00%     | 19.03%     | 19.53%      | -7.75           | -13.59          | -4.37           | -30.56           | -13.34          |
| MAFN VN30 ETF                         | 40.71               | VND          | 22,314.56 | 14.82%     | 38.45%     | 42.21%      | -0.09           | -0.40           | -0.54           | 2.86             | 14.94           |
| KIM Growth VN30 ETF                   | 91.52               | VND          | 12,514.69 | 14.72%     | 39.91%     | 41.33%      | 0.00            | -3.76           | -5.98           | -3.15            | 5.76            |
|                                       | 2,407.94            |              |           |            |            |             | -24.31          | -142.34         | -178.94         | -427.66          | -539.60         |

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

|                    | 08/29/2025 | 08/22/2025 | 08/15/2025 | 08/08/2025 | 08/01/2025 |
|--------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Dầu khí            | -44.8%     | 7.0%       | -2.2%      | 22.9%      | 50.5%      |
| Ngân hàng          | -25.8%     | 26.5%      | 14.9%      | 9.3%       | 29.0%      |
| Chứng khoán        | 5.0%       | -0.2%      | -4.8%      | -6.2%      | 39.9%      |
| Bất động sản       | -38.3%     | 11.2%      | 26.9%      | -9.3%      | 40.2%      |
| Dệt may            | -17.4%     | -34.2%     | 8.9%       | 2.4%       | 23.8%      |
| Bán lẻ             | -11.5%     | 1.2%       | -3.2%      | 0.3%       | 58.1%      |
| Vingroup           | -29.2%     | 21.6%      | -10.8%     | 8.2%       | 16.1%      |
| Xây dựng & VLXD    | -29.0%     | -0.8%      | -25.0%     | 44.6%      | 51.9%      |
| Thực phẩm          | -40.0%     | -18.4%     | 57.0%      | -12.5%     | 8.5%       |
| Thủy sản           | -33.8%     | -11.6%     | -21.5%     | 58.2%      | -15.7%     |
| Logistics          | -22.2%     | -7.8%      | 5.1%       | -26.6%     | 26.2%      |
| Dược phẩm          | -37.1%     | -13.3%     | 44.4%      | -32.3%     | 36.6%      |
| Sản xuất & PP Điện | -44.9%     | -0.2%      | 18.8%      | -16.5%     | 42.4%      |
| Đầu tư công        | -58.6%     | 10.9%      | 24.9%      | -3.4%      | 28.2%      |
| Hóa chất           | -55.3%     | 4.8%       | -5.4%      | 11.3%      | -4.6%      |
| Cao su tự nhiên    | -49.1%     | -12.4%     | 37.7%      | -39.2%     | -2.1%      |
| Bảo hiểm           | -47.9%     | -19.7%     | 132.2%     | 16.1%      | 34.1%      |
| Ô tô và phụ tùng   | -47.8%     | -10.9%     | -10.7%     | -26.8%     | 147.3%     |
| Dịch vụ            | -17.1%     | -17.4%     | 15.7%      | 12.6%      | 1.9%       |
| BDS KCN            | -48.6%     | 24.3%      | 24.3%      | -14.2%     | 64.9%      |
| Viettel            | -50.8%     | -16.9%     | -21.1%     | -0.6%      | 49.0%      |
| Du lịch            | -65.9%     | -4.8%      | 66.8%      | -27.6%     | 2.7%       |
| Công nghệ          | -19.6%     | -29.5%     | 72.5%      | -11.5%     | 50.0%      |
| Đường              | -29.2%     | 18.4%      | -14.9%     | -24.7%     | 39.9%      |

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

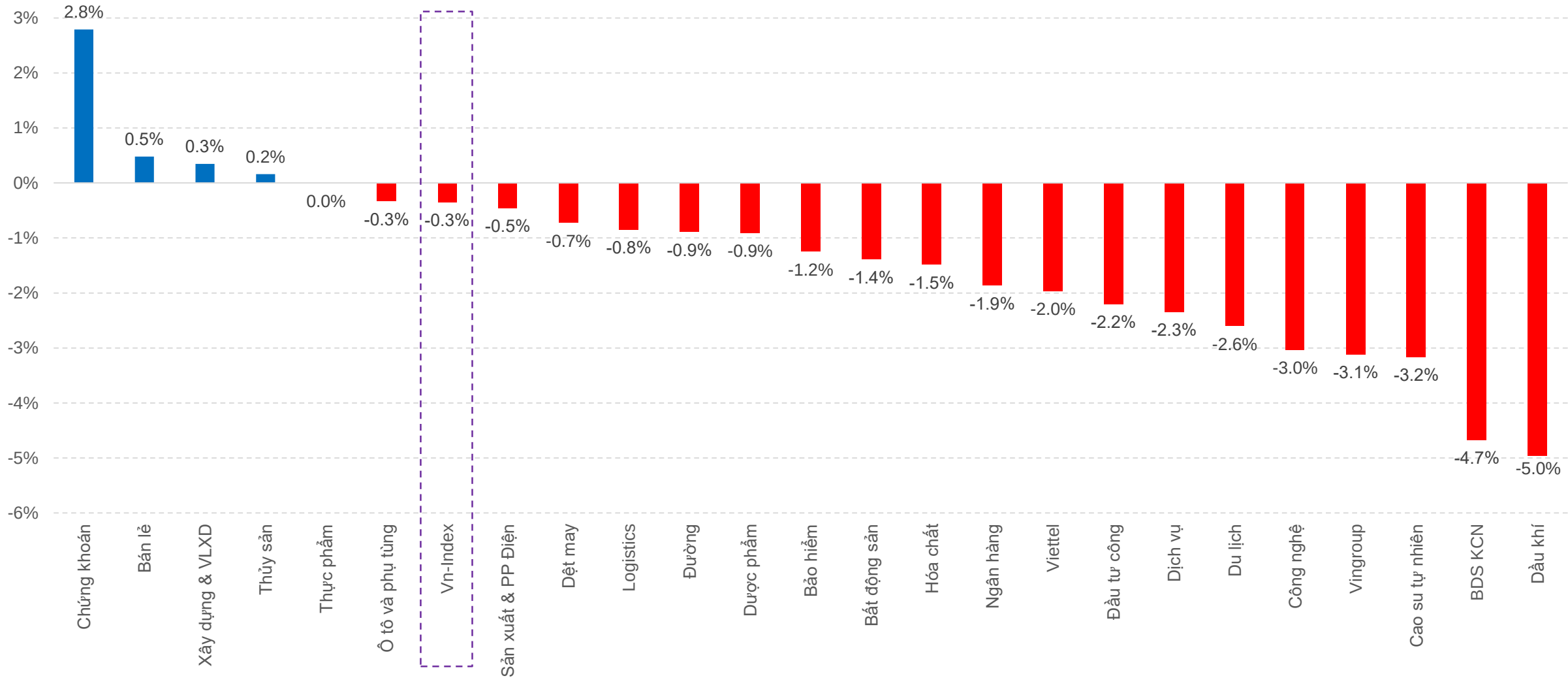
|                    | 08/29/2025 | 08/22/2025 | 08/15/2025 | 08/08/2025 | 08/01/2025 |
|--------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Dầu khí            | 2.4%       | 3.2%       | 3.2%       | 3.5%       | 2.9%       |
| Ngân hàng          | 30.0%      | 29.7%      | 25.2%      | 23.7%      | 22.0%      |
| Chứng khoán        | 23.9%      | 16.7%      | 17.9%      | 20.4%      | 22.0%      |
| Bất động sản       | 12.7%      | 15.2%      | 14.6%      | 12.4%      | 13.9%      |
| Dệt may            | 0.4%       | 0.4%       | 0.6%       | 0.6%       | 0.6%       |
| Bán lẻ             | 3.3%       | 2.7%       | 2.9%       | 3.2%       | 3.3%       |
| Vingroup           | 3.0%       | 3.1%       | 2.7%       | 3.3%       | 3.1%       |
| Xây dựng & VLXD    | 6.4%       | 6.6%       | 7.2%       | 10.3%      | 7.2%       |
| Thực phẩm          | 2.9%       | 3.6%       | 4.7%       | 3.2%       | 3.7%       |
| Thủy sản           | 0.5%       | 0.6%       | 0.7%       | 1.0%       | 0.6%       |
| Logistics          | 2.5%       | 2.4%       | 2.7%       | 2.8%       | 3.9%       |
| Dược phẩm          | 0.1%       | 0.1%       | 0.1%       | 0.1%       | 0.1%       |
| Sản xuất & PP Điện | 1.3%       | 1.8%       | 1.9%       | 1.7%       | 2.1%       |
| Đầu tư công        | 1.9%       | 3.3%       | 3.2%       | 2.8%       | 2.9%       |
| Hóa chất           | 1.6%       | 2.6%       | 2.7%       | 3.1%       | 2.8%       |
| Cao su tự nhiên    | 0.1%       | 0.1%       | 0.2%       | 0.1%       | 0.2%       |
| Bảo hiểm           | 0.2%       | 0.3%       | 0.4%       | 0.2%       | 0.2%       |
| Ô tô và phụ tùng   | 0.3%       | 0.4%       | 0.5%       | 0.6%       | 0.9%       |
| Dịch vụ            | 1.1%       | 1.0%       | 1.3%       | 1.2%       | 1.1%       |
| BDS KCN            | 2.0%       | 2.9%       | 2.5%       | 2.1%       | 2.5%       |
| Viettel            | 0.3%       | 0.4%       | 0.6%       | 0.8%       | 0.8%       |
| Du lịch            | 0.0%       | 0.0%       | 0.0%       | 0.0%       | 0.0%       |
| Công nghệ          | 3.0%       | 2.8%       | 4.2%       | 2.6%       | 3.0%       |
| Đường              | 0.1%       | 0.1%       | 0.1%       | 0.2%       | 0.2%       |

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Chứng khoán, Bán lẻ, Thép, thủy sản là những nhóm cổ phiếu đã vượt ngưỡng 1.700 điểm, trong khi Vn-Index vẫn cách ngưỡng này 0,3%

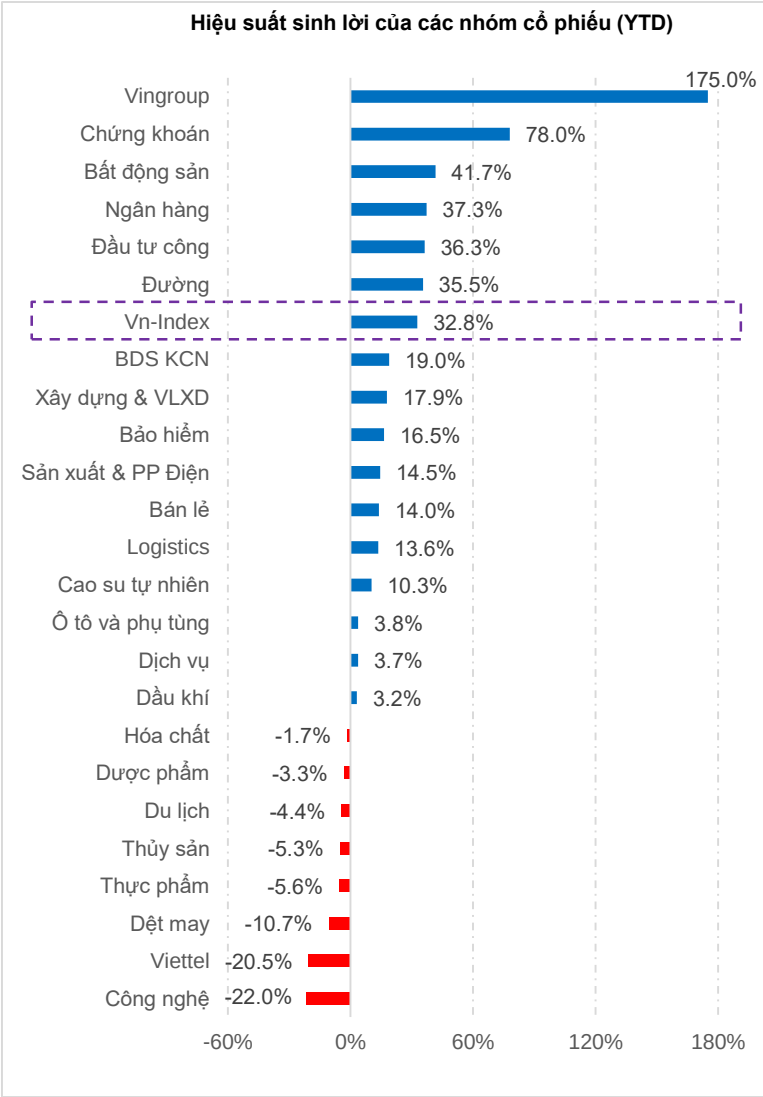
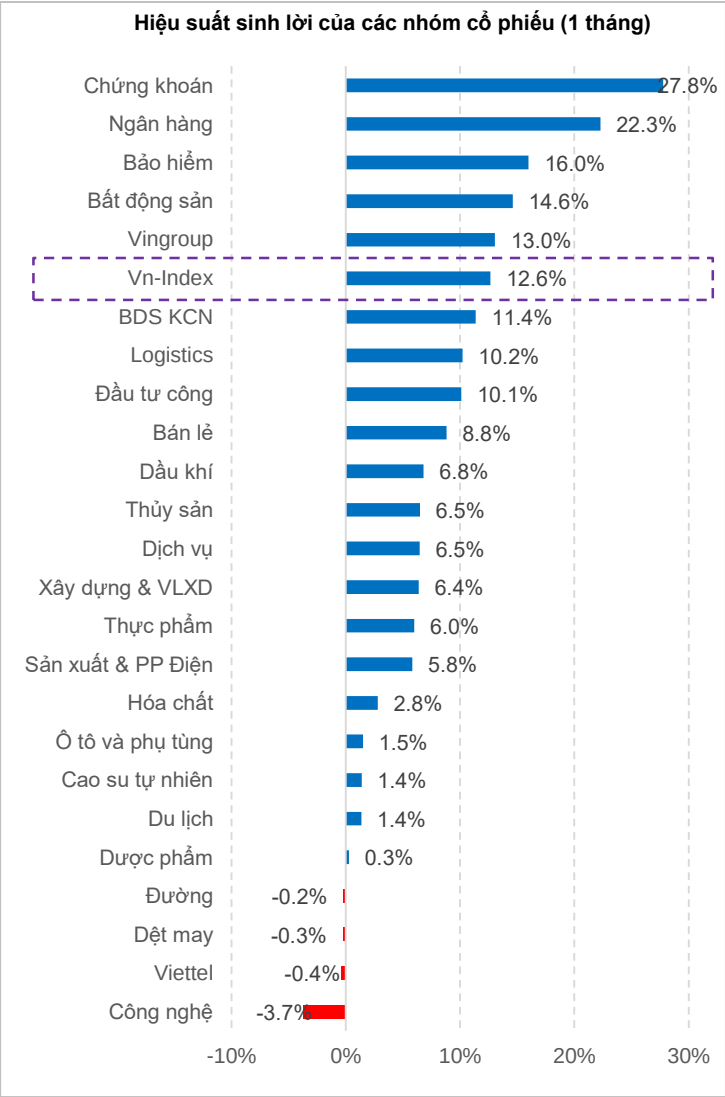
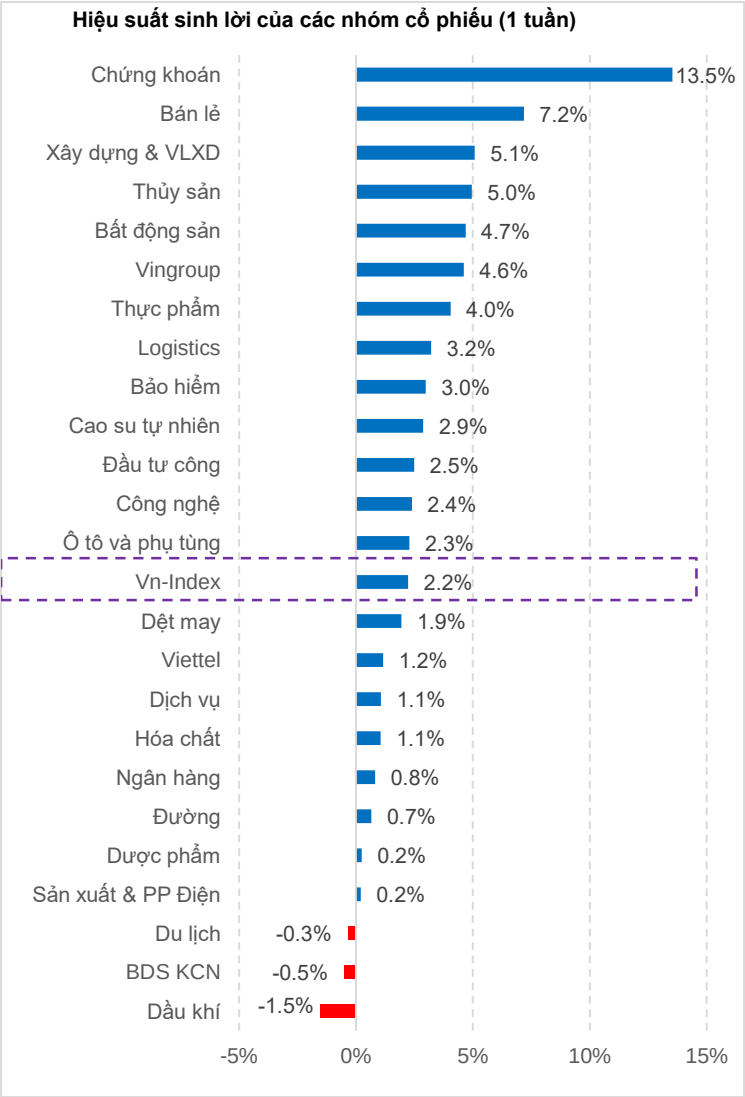
Hiệu suất các nhóm cổ phiếu so với ngưỡng 1.700 điểm



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân lớn nhất thị trường

| STT | MCK     | Giá đóng cửa (29/08) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|-----|---------|----------------------|------------|-------------|-------------------|--------------------------------|
|     | VNINDEX | 1682.21              | 2.2        | 12.0        | 32.8              |                                |
| 1   | SSI     | 42.20                | 18.0       | 23.4        | 62.0              | 918                            |
| 2   | HPG     | 27.50                | 5.8        | 10.2        | 23.9              | 900                            |
| 3   | SHB     | 18.80                | 9.0        | 23.5        | 138.7             | 806                            |
| 4   | FPT     | 101.60               | 2.6        | -2.3        | -22.8             | 740                            |
| 5   | VIX     | 37.70                | 9.3        | 38.1        | 302.6             | 686                            |
| 6   | VPB     | 35.00                | -2.6       | 35.7        | 87.3              | 646                            |
| 7   | TCB     | 39.60                | 1.5        | 16.5        | 60.7              | 619                            |
| 8   | STB     | 55.60                | 0.2        | 11.3        | 50.7              | 533                            |
| 9   | MBB     | 27.75                | 3.2        | 34.8        | 69.7              | 511                            |
| 10  | MWG     | 78.00                | 11.0       | 19.5        | 29.7              | 496                            |
| 11  | MSN     | 83.00                | 2.5        | 14.5        | 18.6              | 472                            |
| 12  | VND     | 26.35                | 17.4       | 16.1        | 115.7             | 459                            |
| 13  | VHM     | 104.50               | 6.5        | 16.1        | 161.3             | 455                            |
| 14  | GEX     | 54.50                | 1.1        | -8.7        | 205.3             | 412                            |
| 15  | VCI     | 48.25                | 11.4       | 12.1        | 46.4              | 406                            |

| STT | MCK | Giá đóng cửa (29/08) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|-----|-----|----------------------|------------|-------------|-------------------|--------------------------------|
| 16  | VIC | 128.30               | 3.4        | 21.6        | 216.4             | 384                            |
| 17  | SHS | 29.20                | 16.3       | 27.0        | 169.6             | 363                            |
| 18  | CTG | 51.30                | 0.8        | 11.8        | 35.7              | 362                            |
| 19  | HDB | 33.45                | 3.4        | 26.5        | 31.2              | 352                            |
| 20  | TPB | 20.90                | -3.2       | 33.1        | 34.7              | 341                            |
| 21  | DIG | 23.30                | 2.6        | 7.1         | 30.6              | 323                            |
| 22  | HCM | 29.10                | 9.0        | 12.4        | 28.1              | 308                            |
| 23  | EIB | 29.70                | 2.6        | 10.0        | 53.9              | 305                            |
| 24  | VCB | 68.60                | 6.2        | 14.0        | 12.5              | 299                            |
| 25  | NVL | 16.80                | 5.7        | 0.9         | 63.9              | 285                            |
| 26  | DXG | 22.80                | 13.2       | 15.2        | 78.6              | 284                            |
| 27  | ACB | 27.80                | -0.2       | 20.9        | 29.0              | 279                            |
| 28  | CII | 22.50                | -7.8       | 57.1        | 84.1              | 268                            |
| 29  | CEO | 24.60                | 4.7        | 7.0         | 95.4              | 262                            |
| 30  | VNM | 60.30                | 2.7        | -1.5        | -1.5              | 259                            |



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Top cổ phiếu vượt đỉnh

| STT | MCK     | Giá đóng cửa (29/08) | % so với đỉnh 10 phiên trước | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|---------|----------------------|------------------------------|------------|-------------|-------------------|
|     | VNINDEX | 1682.21              | -0.85                        | 4.2        | 11.6        | 32.8              |
| 1   | ORS     | 16.50                | 6.80                         | 28.9       | 50.7        | 17.4              |
| 2   | SHS     | 29.20                | 6.18                         | 16.3       | 47.5        | 169.6             |
| 3   | VND     | 26.35                | 3.33                         | 17.4       | 25.2        | 115.7             |
| 4   | MWG     | 78.00                | 0.91                         | 11.0       | 17.1        | 29.7              |
| 5   | SSI     | 42.20                | 0.48                         | 18.0       | 26.7        | 62.0              |

## Top cổ phiếu cách đỉnh từ 15%, có thanh khoản lớn nhất

| STT | MCK     | Giá đóng cửa (29/08) | % so với đỉnh 10 phiên trước | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|---------|----------------------|------------------------------|------------|-------------|-------------------|
|     | VNINDEX | 1682.21              | -0.85                        | 4.2        | 11.6        | 32.8              |
| 1   | VSC     | 30.00                | -22.38                       | -5.5       | 31.3        | 143.4             |
| 2   | PET     | 32.80                | -20.58                       | -2.1       | -0.3        | 30.4              |
| 3   | PC1     | 26.75                | -17.69                       | -4.1       | 9.6         | 16.8              |
| 4   | CII     | 22.50                | -16.36                       | -7.8       | 56.6        | 84.1              |
| 5   | BSR     | 26.50                | -15.74                       | -4.9       | 33.2        | 16.2              |

## Top cổ phiếu cách đỉnh 5%, có thanh khoản cao

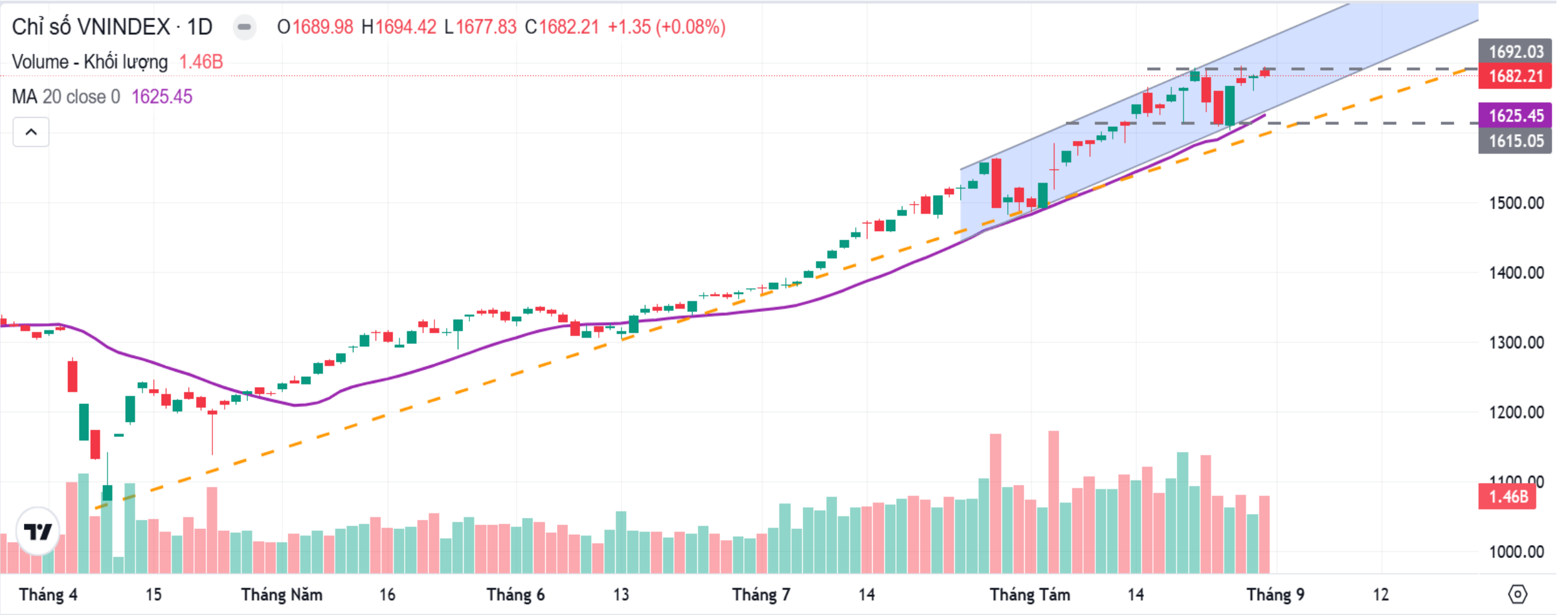
| STT | MCK     | Giá đóng cửa (29/08) | % so với đỉnh 10 phiên trước | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|---------|----------------------|------------------------------|------------|-------------|-------------------|
|     | VNINDEX | 1682.21              | -0.85                        | 4.2        | 11.6        | 32.8              |
| 1   | VCI     | 48.25                | -0.52                        | 11.4       | 15.3        | 46.4              |
| 2   | HCM     | 29.10                | -1.19                        | 9.0        | 15.3        | 28.1              |
| 3   | GMD     | 69.10                | -1.29                        | 12.0       | 22.7        | 9.5               |
| 4   | DXG     | 22.80                | -1.30                        | 13.2       | 16.9        | 78.6              |
| 5   | HDB     | 33.45                | -1.47                        | 3.4        | 26.2        | 31.2              |
| 6   | VIX     | 37.70                | -1.95                        | 9.3        | 57.4        | 302.6             |
| 7   | VHM     | 104.50               | -2.25                        | 6.5        | 13.5        | 161.3             |
| 8   | VCB     | 68.60                | -2.83                        | 6.2        | 12.5        | 12.5              |
| 9   | KDH     | 36.50                | -2.93                        | 7.4        | 32.7        | 11.3              |
| 10  | VNM     | 60.30                | -3.05                        | 2.7        | -4.6        | -1.5              |
| 11  | POW     | 16.45                | -3.24                        | -0.3       | 13.1        | 37.1              |
| 12  | FPT     | 101.60               | -3.33                        | 2.6        | -4.2        | -22.8             |
| 13  | SHB     | 18.80                | -3.34                        | 9.0        | 41.2        | 138.7             |
| 14  | CTG     | 51.30                | -3.93                        | 0.8        | 17.1        | 35.7              |
| 15  | VRE     | 30.40                | -4.10                        | 1.3        | 8.6         | 77.3              |
| 16  | MSB     | 17.70                | -4.32                        | -1.7       | 28.3        | 51.9              |
| 17  | HPG     | 27.50                | -4.51                        | 5.8        | 8.5         | 23.9              |
| 18  | BID     | 42.85                | -4.99                        | -0.9       | 14.6        | 14.1              |
| 19  | MSN     | 83.00                | -5.03                        | 2.5        | 15.0        | 18.6              |
| 20  | ANV     | 27.15                | -5.07                        | 12.0       | 17.3        | 37.1              |

Nguồn: MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

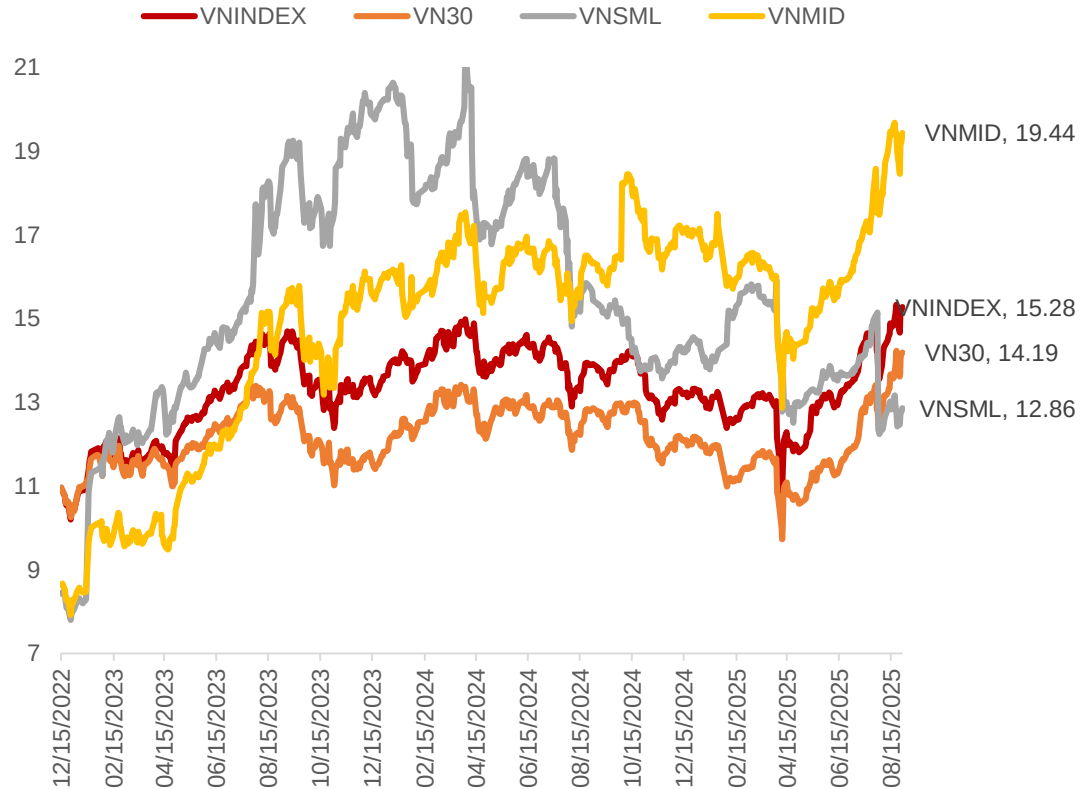


Thị trường lưỡng lự trước ngưỡng 1.700 điểm. Thanh khoản giảm và chỉ số đang được neo bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như VIC, VHM, VCB. Vùng hỗ trợ cho thị trường ở khu vực 1.615 – 1.625 điểm, trong khi các đỉnh cao mới có thể hướng tới ở 1.690 – 1.694 điểm



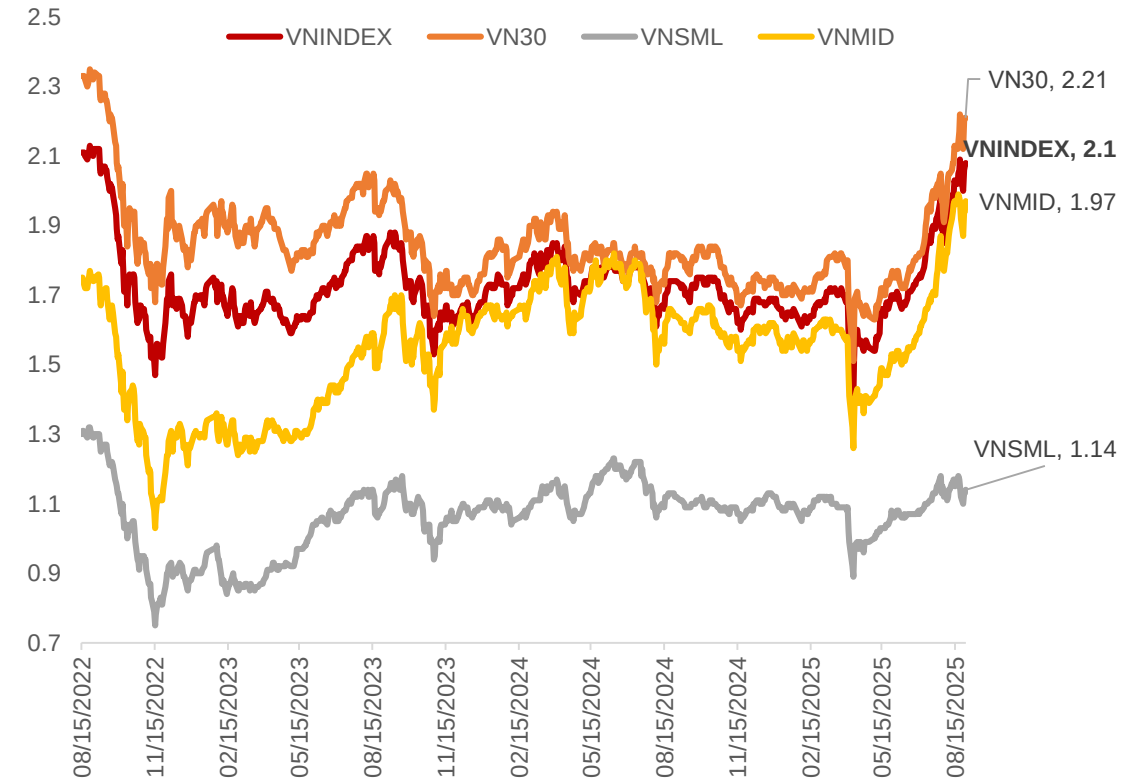
## Định giá thị trường: Hệ số P/E và P/B trong vòng 3 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E TTM (lần) trong vòng 3 năm của các chỉ số



Nguồn: FinX, MBS Research

Hệ số P/B của các chỉ số trong vòng 3 năm qua (lần)



Nguồn: FinX, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Tháng 9 là một trong 3 tháng yếu trong năm, trong 3 năm liên trước, thị trường giảm 2 năm và trong 10 năm qua, thị trường giảm -0,54%

|           | Jan   | Feb   | Mar    | Apr    | May   | Jun   | Jul   | Aug   | Sep    | Oct    | Nov   | Dec   |
|-----------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|
| 10 Yr Avg | 2.47  | 1.98  | -1.51  | .18    | 1.88  | .65   | 1.29  | 1.79  | -.54   | -1.13  | 2.28  | 1.19  |
| 2025      | -.14  | 3.19  | .11    | -6.16  | 8.67  | 3.26  | 9.19  | 11.96 |        |        |       |       |
| 2024      | 3.04  | 7.59  | 2.50   | -5.81  | 4.32  | -1.30 | .50   | 2.59  | .32    | -1.82  | -1.11 | 1.31  |
| 2023      | 10.34 | -7.78 | 3.90   | -1.46  | 2.48  | 4.19  | 9.17  | .09   | -5.71  | -10.91 | 6.41  | 3.27  |
| 2022      | -1.29 | .76   | .14    | -8.40  | -5.42 | -7.36 | .73   | 6.15  | -11.59 | -9.20  | 1.99  | -3.94 |
| 2021      | -4.28 | 10.59 | 1.97   | 4.02   | 7.15  | 6.06  | -6.99 | 1.64  | .80    | 7.62   | 2.37  | 1.34  |
| 2020      | -2.54 | -5.81 | -24.90 | 16.09  | 12.40 | -4.55 | -3.24 | 10.43 | 2.67   | 2.24   | 8.39  | 10.05 |
| 2019      | 2.03  | 6.02  | 1.58   | -.11   | -2.02 | -1.04 | 4.39  | -.77  | 1.27   | .23    | -2.81 | -1.01 |
| 2018      | 12.81 | 1.01  | 4.72   | -10.58 | -7.52 | -1.08 | -.46  | 3.47  | 2.79   | -10.06 | 1.29  | -3.67 |
| 2017      | 4.87  | 1.94  | 1.62   | -.63   | 2.80  | 5.24  | .91   | -.10  | 2.77   | 4.08   | 13.45 | 3.61  |
| 2016      | -5.83 | 2.59  | .33    | 6.62   | 3.35  | 2.23  | 3.16  | 3.43  | 1.65   | -1.45  | -1.59 | -.03  |
| 2015      | 5.58  | 2.86  | -6.99  | 2.04   | 1.27  | 4.12  | 4.72  | -9.07 | -.37   | 7.95   | -5.63 | 1.02  |

Nguồn: Bloomberg

### 👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

### 👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside  $\geq 1$ .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

# Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

## Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



1 tuần

DM Alpha 1.82%

Vnindex 0,9%

2 tuần

DM Alpha 1,36%

Vnindex 3,7%

Từ ngày khởi tạo

DM Alpha 18,41%

Vnindex 36,23%

Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024  
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

### Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

### Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

### Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

### Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

### Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

### Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

### Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng